

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 32/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 11/02/2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Khánh Thiện.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Việt Long, ông Nguyễn Ngọc Phan.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Huyền - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 414/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Nhữ Đình T, sinh ngày 28/5/1986.

Căn cước công dân số 030086005723 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/12/2023.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Đội 5, Thôn V, xã Đ, thành phố Hải Phòng. Hiện đang cư trú tại: Nhật Bản

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị H, sinh ngày 08/6/1994;** Căn cước công dân số 030194002742 do Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/11/2018.

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn V1, xã Y, thành phố Hải Phòng; Hiện đang cư trú tại: Singapore.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được anh T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản: Bà Đỗ Thị B, sinh ngày 20/01/1966; Căn cước số 030166004117 do Bộ Công an cấp ngày 18/11/2025.

Địa chỉ cư trú: Đội 5, Thôn V, xã Đ, thành phố Hải Phòng.

(Các đương sự anh T và bà B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị H có quan điểm đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nhữ Đình T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th, huyện B, tỉnh Hải Dương (nay là xã Đ, thành phố Hải Phòng) ngày 17/01/2017. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với gia đình nhà chồng tại thôn V, xã Đ. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn cãi vã, chủ yếu những mâu thuẫn liên quan đến lối sống, suy nghĩ. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên năm 2019, chị Hiền bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn V1 xã T, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương sinh sống và được gia đình lo cho đi xuất khẩu lao động tại Singapore. Kể từ đó vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Thỉnh thoảng anh chị có liên lạc nhưng do xa mặt cách lòng và không hợp nhau từ trước nên thường xảy ra tranh cãi, bất đồng, không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm để tiếp tục xây dựng cuộc sống hôn nhân hạnh phúc. Đời sống hôn nhân rơi vào trạng thái bế tắc, không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị Hiền có 01 con chung là Nhữ Thị Gia H1, sinh ngày 15/8/2017, hiện đang ở với anh và ông bà nội. Anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh chị tự thống nhất thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian không có mặt ở Việt Nam, anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Đỗ Thị B thay anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Gia H1 cho đến khi anh về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh đang lao động ở Nhật Bản nên không trực tiếp tham gia tố tụng tại Tòa được, anh ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Đỗ Thị B thay anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do anh T không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị H nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị Hiền. Bà Nguyễn Thị B (là mẹ đẻ chị H) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị H vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị H biết. Thông qua gia đình chị H trình bày: Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra

nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng hay xảy ra cãi vã căng thẳng. Năm 2018, anh T đi lao động ở nước ngoài, chị sống tại gia đình nhà chồng nhưng không hợp với bố mẹ chồng, anh T nghe bố mẹ không quan tâm đến chị, chị chán nản nên đã bỏ về nhà bố đẻ ở. Anh T liên lạc về cho chị yêu cầu ly hôn, gia đình cũng khuyên bảo nhiều nhưng mâu thuẫn vợ chồng không thay đổi. Năm 2022 chị H đi lao động tại Singapore, vợ chồng sống ly thân từ lâu, không ai quan tâm đến ai, tình cảm nguội lạnh và không còn, nay anh T xin ly hôn, chị nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 01 con chung Nhữ Thị Gia H1 như anh T trình bày là đúng, chị nhất trí để anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành, anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam, chị nhất trí giao cháu Gia H1 cho ông bà nội chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Tân về nước. Tài sản chung không có nên không yêu cầu giải quyết, đồng thời chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được anh T ủy quyền về việc giao, nhận văn bản bà Đỗ Thị B trình bày: Bà là mẹ đẻ anh Nhữ Đình T. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau tại gia đình bà. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, quan điểm sống bất đồng, vợ chồng không bao ban được nhau trong cuộc sống. Mâu thuẫn căng thẳng nên năm 2019 chị H bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó được gia đình lo cho đi lao động tại Singapore, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn chị H, gia đình đã khuyên bảo, động viên và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: anh T, chị H có 01 con chung là Nhữ Thị Gia H1, sinh ngày 15/8/2017, cháu Gia H1 ở với anh Tân tại gia đình bà từ nhỏ cho đến nay. Anh T đề nghị tiếp tục được nuôi con và ủy quyền cho bà thay anh chăm sóc cháu Gia H cho đến khi anh về nước, bà nhất trí. Ngoài ra, bà cũng nhất trí nhận ủy quyền của anh Tân về việc giao, nhận văn bản của Tòa án, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho anh Tân biết. Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày và đề nghị giải quyết vắng mặt, bà B cũng đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa.

Con chung của anh T, chị H: cháu Nhữ Thị Gia H1 có nguyện vọng được ở với anh Tân và ông bà nội.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa đổi bổ sung năm 2025; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nhữ Đình T xin ly hôn chị Nguyễn Thị H.

- Về con chung: Giao con chung là con chung là Nhữ Thị Gia H, sinh ngày 15/8/2017 cho anh Nhữ Đình T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành; Chấp nhận sự tự nguyện của anh Tân, chị Hiền tự thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí: Anh T chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và xem xét ý kiến của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX) nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn chị Nguyễn Thị H có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn V1, xã Y, thành phố Hải Phòng, hiện đang cư trú tại: Singapore. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Hải Phòng.

[1.2] Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt, anh T và bà B có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, chị H đề nghị được giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Như Đình T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B,

tỉnh Hải Dương (nay là xã Đ, thành phố Hải Phòng) ngày 17/01/2017 là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng càng về sau càng nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp, anh T không có quan điểm lập trường sống mà nghe theo bố mẹ, anh chị không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm để xây dựng cuộc hôn nhân hạnh phúc. Năm 2018 anh T đi lao động ở nước ngoài, năm 2019 chị Hiền bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở đến năm 2022 được gia đình lo cho đi lao động tại Singapore. Vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai, đời sống chung rơi vào tình trạng bế tắc không thể hàn gắn được. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H. Chị H cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mỗi người sống một nơi không quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh chị đã được hai bên gia đình nhiều lần khuyên bảo nhưng không có kết quả nên nhất trí ly hôn. Như vậy có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Tân, xử cho anh T được ly hôn chị H.

[2.2] Về quan hệ con chung: Anh T, chị H có 01 con chung là Nhữ Thị Gia H1, sinh ngày 15/8/2017, hiện đang ở với bà B. Anh T, chị H cùng có quan điểm thống nhất giao con Nhữ Thị Gia H1 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành. Anh chị tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong thời gian anh T không có mặt tại Việt Nam, anh chị thống nhất giao con chung Nhữ Thị Gia H1 cho bà Đỗ Thị B chăm sóc cho đến khi anh về nước. HĐXX xét thấy, quan điểm của anh chị phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với nguyện vọng của con. Do vậy, cần giao con chung Nhữ Thị Gia H1 cho anh T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con tròn 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Chấp nhận sự tự thỏa thuận của anh T, chị H về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Gia H1 cho bà B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh T về nước.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T, chị H đều xác định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Như Đình T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án ngày 25/6/2025 của Quốc Hội; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Như Đình T, xử cho anh Như Đình T ly hôn chị Nguyễn Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung là Nhữ Thị Gia H1, sinh ngày 15/8/2017 cho anh Như Đình T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh T, chị H tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Tạm giao cháu Nhữ Thị Gia H cho bà Đỗ Thị B chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Tân về nước.

Chị H được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Như Đình T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai ký hiệu BLTU/25E số 0008856 ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng (do chị Vương Thị Lan A nộp thay). Anh T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Như Đình T và chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bà Đỗ Thị B được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhân:

- VKSND khu vực 11 - Hải Phòng;
- Các đương sự;
- Phòng THADS khu vực 11 - Hải Phòng;
- UBND xã Đường An, TP. Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Khánh Thiệp